

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 84/TTr-STP ngày 22/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 38 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tư pháp, cụ thể:

Sửa đổi, bổ sung 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh (số thứ tự 01, Mục XII, Phần A); 16 thủ tục hành chính cấp huyện (số thứ tự từ 01 đến 16, Mục I, Phần B) và 21 thủ tục hành chính cấp xã (số thứ tự từ 01 đến 21, Mục I, Phần C) tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải nội dung Quyết định này lên trang Văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh theo địa chỉ <http://qppl.vpubnd.quangnam.vn> để các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, tải và triển khai thực hiện.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh nội dung cấu thành của thủ tục hành chính, cập nhật lên Trang thông tin điện tử của Sở; đồng thời, gửi Văn phòng UBND tỉnh (kèm bản mềm đến địa chỉ email: thaonv@quangnam.gov.vn), Trung tâm Hành chính công tỉnh chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ khi Quyết định này có hiệu lực để đăng tải công khai và niêm yết dữ liệu đúng theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan sửa đổi, bổ sung quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn công khai trên trang thông tin điện tử của địa phương; đồng thời, niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại bộ phận một cửa và tổ chức thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh (niêm yết);
- Trung tâm CNTT & TT Quảng Nam (đăng tải)
- CPVP, các Phòng HCTC, NC;
- Lưu: VT, KSTTHC.

E:\TUYEN\Cong bo\Tham dinh danh muc\HS SO TRINH\To trinh 84 So Tu phap.doc

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu



Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2765 /QĐ-UBND ngày 08 /10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
I.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch (TTHC số 01, Mục XII, Phần A tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)	- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai.

B.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
1	2.000528	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài (TTHC số 01, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)	- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai. - Thành phần hồ sơ: bổ sung lưu ý đối với việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ.
2	2.000806	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài (TTHC số 02, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân.	- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Thời gian giải quyết: 15 ngày (trước đây 15 ngày làm việc). - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Bổ sung thêm yêu cầu Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài phải có giấy phép cư trú do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp.
3	1.001669	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (TTHC số 03, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)		- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai.
4	2.000756	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài (TTHC số 04, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)		- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai.

5	2.000779	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (TTHC số 05, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)
6	1.001695	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (TTHC số 06, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)
7	2.000748	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (TTHC số 07, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)

- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Thời gian giải quyết: 15 ngày (trước đây là 15 ngày làm việc) - Thành phần hồ sơ: Giấy tờ phải nộp: sửa đổi đối với trường hợp không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định quan hệ cha, mẹ, con thì phải có văn bản cam đoan của các bên; bổ sung lưu ý khi thực hiện cam đoan.
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Thời gian giải quyết: 15 ngày (trước đây là 15 ngày làm việc) - Thành phần hồ sơ: Giấy tờ phải nộp: sửa đổi đối với trường hợp không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định quan hệ cha, mẹ, con thì phải có văn bản cam đoan của các bên; bổ sung lưu ý khi thực hiện cam đoan.
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: bổ sung thêm: + UBND cấp huyện nơi đã đăng ký khai tử trước đây thực hiện cải chính nội dung khai tử đã đăng ký; + Thẩm quyền thực hiện thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch,

8	2.000547	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch). <i>(TTHC số 08, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)</i>
9	2.002189	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài <i>(TTHC số 09, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)</i>
10	2.000554	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài <i>(TTHC số 10, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)</i>

xác định lại dân tộc trong trường hợp các việc hộ tịch trước đây được đăng ký tại Sở Tư pháp.
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai.
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai. - Thời gian giải quyết: Sửa đổi 12 ngày (trước đây 12 ngày làm việc)
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Thẩm quyền thực hiện: bổ sung thêm thẩm quyền thực hiện trong trường hợp công dân Việt Nam không thường trú tại Việt Nam có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch để làm thủ tục đăng ký kết hôn mới tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. - Thời gian giải quyết: Sửa đổi 12 ngày (trước đây 12 ngày làm việc).

11	1.001766	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (TTHC số 11, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)
12	2.000522	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài (TTHC số 12, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)
13	2.000513	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài (TTHC số 13, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)

- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Thành phần hồ sơ: Giấy tờ phải nộp: bổ sung thêm giấy tờ, tài liệu, chứng cứ đối với trường hợp chết đã lâu không có giấy báo tử, giấy tờ thay thế giấy báo tử.
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Trình tự thực hiện: + Bổ sung thời gian tối đa cho việc gửi văn bản xác minh là 20 ngày + Bổ sung việc xác minh quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp giấy tờ của người yêu cầu không có thông tin, + Bổ sung lưu ý khi thực hiện việc cam đoan. - Thời gian giải quyết: Sửa đổi thời gian giải quyết đối với trường hợp phải xác minh không quá 25 ngày (trước đây là không quá 13 ngày)
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Trình tự thực hiện: + Bổ sung thời gian tối đa cho việc gửi văn bản xác minh là 20 ngày + Bổ sung lưu ý khi thực hiện việc cam đoan - Thời gian giải quyết: Sửa đổi thời gian giải quyết đối với trường hợp

				phải xác minh là không quá 25 ngày (trước đây là không quá 13 ngày)
14	2.000497	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài (TTHC số 14, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)		- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai.
15	1.000893	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (TTHC số 15, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)		- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Trình tự thực hiện: + Bổ sung thời gian tối đa cho việc gửi văn bản xác minh là 20 ngày + Bổ sung việc xác minh quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp giấy tờ của người yêu cầu không có thông tin + Bổ sung lưu ý khi thực hiện việc cam đoan - Thời gian giải quyết: Sửa đổi thời gian giải quyết đối với trường hợp phải xác minh không quá 25 ngày (trước đây là không quá 13 ngày)
16	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch (TTHC số 16, Mục I, Phần B tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)	- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định	- Căn cứ pháp lý - Biểu mẫu tờ khai

			mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp	
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ				
1	1.001193	Đăng ký khai sinh (TTHC số 01, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)	- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Trình tự thực hiện: bổ sung thêm các nội dung cần lưu ý.
2	1.000894	Đăng ký kết hôn (TTHC số 02, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai.
3	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con (TTHC số 03, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)	- Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ	- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Thành phần hồ sơ: Giấy tờ phải nộp: Sửa đổi đối với trường hợp không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định quan hệ cha,

			quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	mẹ, con thì lập văn bản cam đoan mối quan hệ cha, mẹ, con; bổ sung lưu ý khi thực hiện cam đoan
4	1.000689	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con (TTHC số 04, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)	- Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân.	- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Thành phần hồ sơ: Giấy tờ phải nộp: Sửa đổi đối với trường hợp không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định quan hệ cha, mẹ, con thì lập văn bản cam đoan mối quan hệ cha, mẹ, con; bổ sung lưu ý khi thực hiện cam đoan
5	1.000656	Đăng ký khai tử (TTHC số 05, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)		- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Thành phần hồ sơ: giấy tờ phải nộp: bổ sung giấy tờ, tài liệu, chứng cứ đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế giấy báo tử.
6	1.003583	Đăng ký khai sinh lưu động (TTHC số 06, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)		- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Trình tự thực hiện: bổ sung thêm các nội dung cần lưu ý.
7	1.000593	Đăng ký kết hôn lưu động (TTHC số 07, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)		- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai.

8	1.000419	Đăng ký khai tử lưu động (TTHC số 08, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)
9	1.000110	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (TTHC số 09, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)
10	1.000094	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (TTHC số 10, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)
11	1.000080	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (TTHC số 11, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)
12	1.004827	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (TTHC số 12, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày

- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai.
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai. - Thành phần hồ sơ: bổ sung một số lưu ý
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai.
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Thành phần hồ sơ: giấy tờ phải nộp: sửa đổi đối với trường hợp không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định quan hệ cha, mẹ, con thì lập văn bản cam đoan; bổ sung lưu ý khi thực hiện cam đoan.
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai.

		23/11/2018 của UBND tỉnh)
13	1.004837	Đăng ký giám hộ (TTHC số 13, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)
14	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ (TTHC số 14, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)
15	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch (TTHC số 15, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)
16	1.004873	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (TTHC số 16, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)
17	1.004884	Đăng ký lại khai sinh (TTHC số 17, Mục I, Phần C tại

- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai.
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai.
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Cơ quan thực hiện TTHC: bổ sung UBND cấp xã nơi đăng ký khai tử trước đây thực hiện cải chính nội dung đăng ký khai tử. - Bổ sung yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC.
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Trình tự thực hiện: Bổ sung thời gian tối đa cho việc gửi văn bản xác minh là 20 ngày. - Thời gian giải quyết: Sửa đổi trường hợp phải xác minh thì thời gian không quá 23 ngày (trước đây là không quá 06 ngày).
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai;

		<i>Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)</i>
18	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (TTHC số 18, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)
19	1.004746	Đăng ký lại kết hôn (TTHC số 19, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo

- Trình tự thực hiện: + Bổ sung thời gian tối đa cho việc gửi văn bản xác minh là 20 ngày. + Thực hiện xác minh quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp giấy tờ của người yêu cầu không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con + Bổ sung lưu ý khi thực hiện việc cam đoan. - Thời gian giải quyết: Sửa đổi trường hợp phải xác minh thì thời gian không quá 25 ngày (trước đây là không quá 13 ngày).
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Trình tự thực hiện: + Bổ sung thời gian tối đa cho việc gửi văn bản xác minh là 20 ngày. + Thực hiện xác minh quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp giấy tờ của người yêu cầu không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con + Bổ sung lưu ý khi thực hiện việc cam đoan. - Thời gian giải quyết: Sửa đổi trường hợp phải xác minh thì thời gian không quá 25 ngày (trước đây là không quá 13 ngày).
- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - Trình tự thực hiện:

		<i>Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)</i>		+ Bổ sung thời gian tối đa cho việc gửi văn bản xác minh là 20 ngày + Bổ sung lưu ý khi thực hiện việc cam đoan. - Thời gian giải quyết: Sửa đổi trường hợp phải xác minh thì thời gian không quá 25 ngày (trước đây là không quá 13 ngày).
20	1.005461	Đăng ký lại khai tử (TTHC số 20, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)		- Căn cứ pháp lý; - Biểu mẫu tờ khai; - cách thức thực hiện: bổ sung thêm cách thức đăng ký trực tuyến.
21	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch (TTHC số 21, Mục I, Phần C tại Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)	- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	- Căn cứ pháp lý - Biểu mẫu tờ khai

			trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
--	--	--	---	--